

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14-5-2020

V/v: Tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Út
2. Bà Trương Ngọc Diệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn –Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Vân – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2020/TL.ST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Văn K

Địa chỉ: 39/3A, khu vực 6, phường An B, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ngô Thị Cẩm N

Địa chỉ: Ấp Thạnh Mỹ B, xã Tân Phú T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Văn K trình bày: Anh và chị Ngô Thị Cẩm N kết hôn vào năm 1990, hôn nhân tự nguyện, tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng

quan điểm trong cuộc sống nên đã ly thân cách đây 15 năm. Anh xác định không còn tình cảm nên làm đơn xin được ly hôn với chị N.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thị L (nữ), sinh năm 1991. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn chị Ngô Thị Cẩm N trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 24/4/2020: Chị cũng thống nhất với phần trình bày của anh K. Chị cũng đồng ý ly hôn với anh K.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thị L (nữ), sinh năm 1991. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung giải quyết vụ án: Nhận thấy hôn nhân giữa anh K và chị N là hôn nhân chưa được pháp luật công nhận. Hiện tại anh chị cũng không còn sống chung với nhau. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị N là vợ chồng. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn K và chị Ngô Thị Cẩm N do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên anh K nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị N, do chị N có nơi cư trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn trong quá trình tố tụng đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, chị N có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N.

[3] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị N tuy được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm nên đã ly thân khoảng 15 năm nay. Tại phiên tòa hôm nay anh K kiên quyết ly hôn với chị N, phía chị N cũng đồng ý. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn K và chị Ngô Thị Cẩm N là vợ chồng.

[4] Về con chung: Anh K và chị N có 01 (một) con chung cháu tên là Nguyễn Thị L, sinh ngày 21/02/1991, đã trưởng thành nên không đặc ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh K và chị N khai thống nhất không có nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc anh K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn K

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn K và chị Ngô Thị Cẩm N là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặc ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp theo biên lai số 0003659 ngày 20/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Anh K đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Tân Phú T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Đua